

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HS-ST

Ngày: 05 - 5 - 2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM  
TỈNH NINH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Trần Thanh Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Lê Huỳnh Sinh

+ Ông Trần Hoàng Liên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

**ĐƯỜNG LÊ HỒNG T (Tên gọi khác: Bẫy)**, sinh năm 1994 tại Ninh Thuận.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đường Đình C (đã chết) và bà Lê Thị Hương H. Sống chung như vợ chồng với bà Võ Thị Kim H và có 01 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 01/02/2010, bị Công an phường BA, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính cảnh cáo về hành vi “Đánh nhau”;

- Ngày 04/8/2012, bị Ủy ban nhân dân phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 16/01/2018, bị Ủy ban nhân dân huyện NS, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng pháo và Vi phạm quy định về quản lý sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ”, số tiền 22.500.000 đồng.

- Ngày 29/3/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/10/2016.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, chuyển sang tạm giam từ ngày 31/8/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Tô T H, sinh năm 1993; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 02, phường BA, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Lê Thị L, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 01, phường BA, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ninh Quý 3, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Lý Thị Tuyết V, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Quang Q, sinh năm 1987; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 04, phường PM, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 03, phường PH, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Phạm Thị Ánh G, sinh năm 1992; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 03, phường BA, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ninh Quý 3, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Bùi Mạnh T, sinh năm 1989; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Long Bình 2, xã AH, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

- Người làm chứng:

+ Bà Võ Thị Kim H, sinh năm 1993; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ninh Quý 3, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ninh Quý 3, xã PS, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Trần Anh D, sinh năm 1998; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường ĐV, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn thu lợi từ việc cho người khác vay tiền lấy lãi nên trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 8 năm 2022, Đường Lê Hồng T đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và huyện Ninh Phước vay tiền với lãi suất từ 4,39%/ tháng đến 18%/tháng (tương đương 53%/năm đến 216%/năm). Hình thức vay như sau: Khi có người muốn vay tiền, T và người vay trực tiếp thỏa thuận tiền lãi với nhau và T thu tiền lãi theo tháng. Khi người vay đã trả một phần tiền gốc, T sẽ trừ ra trong tổng số tiền đã vay và chỉ tính lãi trên khoản tiền gốc còn lại. Khi người vay đã trả hết tiền gốc thì T mới không tính tiền lãi nữa.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được T cho vay tiền và lấy lãi, cụ thể như sau:

1. Anh Tô Thanh H (Sinh năm: 1993, trú tại: khu phố 2, phường BA, thành phố P). Tháng 07 năm 2021, anh H vay của T số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng (tương đương 180%/năm). T đã thu tiền lãi của anh H từ tháng 07 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 với tổng số tiền là 27.000.000 đồng. Anh H đã trả tiền gốc cho T.

2. Chị Hồ Thị Bích Q (Sinh năm: 1987, trú tại: thôn NQ 3, xã PS, huyện NP). Tháng 9 năm 2021, chị Q vay của T số tiền 160.000.000 đồng. Ban đầu theo thỏa thuận lãi suất là 12%/ tháng nhưng sau đó, T và chị Q tự thỏa thuận lại với nhau tiền lãi là 6,65%/tháng (tương đương 80%/năm). T đã thu tiền lãi của chị Q từ tháng 09 năm 2021 đến tháng 03 năm 2022 với tổng số tiền là 63.800.000 đồng. Chị Q đã trả tiền gốc cho T.

3. Bà Lê Thị L (sinh năm: 1967, trú tại: khu phố 1, phường BA, thành phố P) có các lần vay tiền của T như sau:

Lần 1: Tháng 12 năm 2021, bà L vay của T số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng (tương đương 180%/năm), T đã thu tiền lãi của bà L từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 8 năm 2022 với tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

Lần 2: Tháng 3 năm 2022, bà L vay của T số tiền 2.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng (tương đương 180%/năm). T đã thu tiền lãi của bà L từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 8 năm 2022 với tổng số tiền là 1.500.000 đồng. Cả hai số tiền nói trên bà L chưa trả tiền gốc cho T.

4. Bà Nguyễn Thị P (Sinh năm 1964, trú tại: thôn NQ 3, xã PS, huyện NP) có các lần vay tiền của T như sau:

Lần 1: Tháng 8 năm 2021, bà P vay của T số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 12%/tháng (tương đương 144%/năm). T đã thu lãi của số tiền này từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022 với tổng số tiền là 21.600.000 đồng.

Lần 2: Tháng 10 năm 2021, bà P vay của T số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 12%/tháng (tương đương 144%/năm). T đã thu lãi của số tiền này, từ tháng 10 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022 với tổng số tiền là 16.800.000 đồng.

Lần 3: Tháng 12 năm 2021, bà P vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 12%/tháng (tương đương 144%/năm). T đã thu lãi của số tiền này, từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 05 năm 2022 với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Các khoản tiền nói trên bà P chưa trả tiền gốc cho T.

5. Anh Nguyễn Quang Q (Sinh năm: 1987, trú tại: khu phố 4, phường PM). Tháng 12 năm 2021, anh Q vay của T số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất là 10%/tháng (tương đương 120%/năm). T đã thu tiền lãi của anh Q, từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 8 năm 2022 với tổng số tiền là 27.000.000 đồng. Số tiền gốc anh Q vẫn chưa trả cho T.

6. Anh Nguyễn Ngọc K (Sinh năm: 1977, trú tại: khu phố 3, phường Phủ Hà) có các lần vay tiền của T như sau:

Lần 1: Tháng 6 năm 2021, anh K vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng (tương đương 180%/năm). T đã thu tiền lãi của anh K, từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022 với tổng số tiền là 18.000.000 đồng;

Lần 2: Tháng 7 năm 2021, anh K tiếp tục vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 15% (tương đương 180%/năm). T đã thu tiền lãi của số tiền này, từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 6 năm 2022 vẫn tổng số tiền là 16.500.000 đồng. Số tiền gốc của hai khoản tiền này anh K đã trả cho T.

7. Chị Phạm Thị Ánh G (Sinh năm: 1992, trú tại: khu phố 3, phường BA). Tháng 6 năm 2020, chị G vay của T số tiền 6.000.000 đồng, với lãi suất là 14,67%/tháng (tương đương 176%/năm). T đã thu tiền lãi của chị G, từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 7 năm 2022 với tổng số tiền là 22.000.000 đồng. Chị G chưa trả tiền gốc cho T.

8. Bà Nguyễn Thị C (Sinh năm: 1976, trú tại: thôn NQ 3, xã PS, huyện NP) có vay tiền của T các lần như sau:

Lần 1: Tháng 01 năm 2019, bà C vay của T số tiền 66.000.000 đồng với lãi suất là 12%/tháng nhưng sau đó, T và bà C đã thỏa thuận lại lãi suất là 9,09%/tháng (tương đương 109%/năm). T đã thu lãi của số tiền này, từ tháng 01 năm 2019 đến

tháng 5 năm 2019 với tổng số tiền là 24.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền gốc số khoản tiền này cho T.

Lần 2: Tháng 11 năm 2019, bà C vay của T số tiền 50.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 12%/tháng (tương đương 144%/năm). T đã thu lãi cho số tiền này, từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 12 năm 2021 với tổng số tiền lãi là 150.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền gốc số khoản tiền này cho T.

Lần 3: Tháng 12 năm 2021, bà C tiếp tục vay của T số tiền 135.000.000 đồng cộng với số tiền 50.000.000 đồng là tiền gốc của lần vay trước chưa trả thì tiền gốc lúc này T tính cho bà C là 185.000.000 đồng. T tính lãi cho khoản vay này là 4,39%/tháng (tương đương 53%/năm). T đã thu lãi của khoản tiền, từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 8 năm 2022 với tổng số tiền là 65.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền gốc khoản tiền này cho T.

9. Anh Bùi Mạnh T (Sinh năm: 1989, trú tại: thôn LB2, xã AH, huyện NP) có vay tiền của T các lần như sau:

Lần 1: Tháng 02 năm 2021, T cho anh T vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng (tương đương 180%/năm). T đã thu tiền lãi của anh T, từ tháng 02 năm 2021 đến tháng 05 năm 2021 với tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Anh T đã trả tiền gốc lần này cho T.

Lần 2: Tháng 6 năm 2021, anh T tiếp tục vay của T số tiền 140.000.000 đồng với lãi suất là 15%/tháng (tương đương 180%/năm). T đã thu tiền lãi của anh T, từ tháng 06 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021 với tổng số tiền là 105.000.000 đồng;

Lần 3: Tháng 7 năm 2021, anh T vay của T số tiền 120.000.000 đồng với lãi suất là 18%/ tháng (tương đương 216%/năm). T đã thu tiền lãi của anh T, từ tháng 07 năm 2021 đến tháng 11 năm 2021 với tổng số tiền là 86.400.000 đồng.

Đến tháng 11 năm 2021, anh T đã trả tiền gốc cho T số tiền 30.000.000 đồng của lần thứ 2 và lần thứ 3. Lúc này, tổng số tiền gốc anh T vay của T là 230.000.000 đồng. T tính lại tiền lãi cho anh T là 15%/tháng (tương đương 180%/năm). T thu tiền lãi cho số tiền này được từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022 với số tiền là 69.000.000 đồng. Tháng 01 năm 2022, anh T đã trả cho T số tiền gốc là 200.000.000 đồng, số tiền gốc còn lại là 30.000.000 đồng anh T chưa trả cho T.

10. Chị Lý Thị Tuyết V (Sinh năm: 1976, trú tại: khu phố 6, phường ĐV). Tháng 5 năm 2020, chị V vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất là 16%/tháng (tương đương 190%/năm). T đã thu tiền lãi của chị V từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 8 năm 2022, với tổng số tiền là 42.800.000 đồng. Chị V chưa trả tiền gốc cho T.

Đối với lần T cho bà Hồ Thị Bích Q vay với mức lãi suất 6,65%/tháng (tương đương 80%/ năm); Lần T cho bà Nguyễn Thị C vay với mức lãi suất 4,39%/tháng – lần 3 (tương đương 53%/ năm) thì những lần này mức lãi suất chưa gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự; Lần T cho bà C vay số tiền 66.000.000, thu lợi bất chính số tiền 19.600.000 đồng (lần 1) đã kết thúc vào tháng 5 năm 2019, hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, những lần này không cấu thành tội phạm.

Căn cứ Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 22/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì xác định được: Đường Lê Hồng T đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 09 người, với tổng số tiền cho vay là 663.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 622.100.000 đồng.

Ngoài ra, Đường Lê Hồng T còn khai nhận đã cho nhiều người khác trên địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm vay tiền. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh, có nhiều người chưa xác định được nhân thân lai lịch hoặc không nhớ rõ thời gian vay, lãi suất, số tiền lãi đã đóng.

Đối với hành vi của Võ Thị Kim H, Trần Anh D, Nguyễn T Tâm, khi được T nhờ đi lấy tiền lãi, H, Dũng, Tâm không biết đó là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

Đối với hành vi của Võ Thị Kim H cho bà Trần Thị T Phụng, chị Lê Thị Thuý V1, chị Nguyễn Thị Yến Ng, bà Cù Thị Minh Ta vay tiền, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xác định số tiền gốc và tiền lãi của H.

Về biện pháp tư pháp:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ và xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị vỡ là tài sản của Đường Lê Hồng T. Đây là phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 giấy vay tiền của Tô T H, 01 giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Thị C, 01 giấy mượn tiền mang tên Lê Nguyễn Công Thiện, 02 giấy vay tiền loại giấy A4 là tang vật của vụ án (Kèm theo đưa vào hồ sơ vụ án).

Đối với 01 giấy vay tiền của Huỳnh Thị Tố U, 01 giấy vay tiền của Trần Như T; 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thanh T2; 01 căn cước công dân số 058171003983 mang tên Trần Như T; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Anh T3; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bình L; 01 Giấy phép lái xe mang tên Tô Phong Ch; 01 chứng minh nhân dân mang tên Tô Phong Ch. Đây là các tài liệu liên quan đến những người vay

tiền của T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người có tên nêu trên.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1967, trú tại: thôn NQ 3, xã PS, huyện NP, là mẹ của Võ Thị Kim H): 03 Giấy mượn tiền của Đặng Thị T nhà ở Đơn Dương, trong đó 01 tờ giấy gốc, 02 tờ bản pho to; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Quốc H ở xã Xuân Trường, Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 Giấy mượn tiền của Nguyễn Thị M, nhà ở Trường An, Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 giấy mượn tiền của Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1986, nhà ở huyện Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Ngọc T nhà ở xã Xuân Trường, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 giấy mượn tiền của chị S nhà ở Cầu Đất, Lâm Đồng; 02 giấy nhận tiền và vay hộ tiền của Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974 ở xã Chí Công, Tuy Phong, Bình Thuận; 01 giấy vay nợ (bản gốc), 03 tờ giấy vay nợ (bản pho to) của người tên Bùi Thị H, sinh năm 1964, nhà ở Phước Khánh, Phước Thuận, Ninh Phước; 01 giấy vay nợ của Nguyễn Thị Tuyết Th, sinh năm 1960; 01 giấy vay nợ của Bùi Thị H; 01 giấy vay nợ của Bùi Thị Th, sinh năm 1970; 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 61D1-281.18 của Phạm Thanh H ở địa chỉ 45/5 Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, Bình Dương; 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 49P1-1394 của Nguyễn Thanh Q, nhà ở số 36, hẻm 2, Lê Quý Đôn, phường 5, Đà Lạt, Lâm Đồng; 01 giấy sang nhượng đất của ông Nguyễn Văn K với ông Võ Thành P; 02 tờ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CU709144 (bản pho to công chứng). Trả lại cho Võ Thị Kim H: 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT775791 (bản pho to); 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS358153 (bản pho to), 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC681635 (bản pho to); 01 giấy mượn tiền của Lê Nguyễn Thúy V; 01 giấy mượn tiền của Cù Thị Minh T; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Thụy Yên Ngọc; số tiền 7.000.000 đồng; 01 giấy căn cước công dân mang tên Võ Thị Kim H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng; 02 thẻ ngân hàng Sacombank mang tên Võ Thị Kim H; 02 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Võ Thị Kim H. Trả lại cho Trần Anh D: 01 điện thoại di động loại bàn phím hiệu ITEI, màu đen; 01 thẻ ATM của ngân hàng SHB mang tên Trần Anh D; số tiền 4.000.000 đồng. Trả lại cho Đường Lê Hồng T: 01 cuốn vở ô ly học sinh điểm 10 sẵn sàng học tốt loại 6 trang, bên trong có ghi ký hiệu chữ và số; 01 cuốn vở ôly học sinh bìa màu xanh trên bìa có ghi chữ điểm 10 sẵn sàng học tốt THE LAND OF DRAGONS bên trong có ghi ký hiệu chữ và số (là vở theo dõi tiền huê của T từ năm 2020); 01 sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn từ ngày 01/7/2021 đến ngày 27/01/2022 của ngân hàng Sacombank mang tên Đường Lê Hồng T; 01 giấy nộp tiền mặt số 0053 ngày 29/9/2021 của Đường Lê Hồng T nộp tiền vào tài khoản của

Bùi Mạnh T tại ngân hàng BIDV; 01 điện thoại di động iPhone 11Pro; 01 điện thoại Iphone 7Plus, màu bạc; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 02 thẻ ngân hàng Sacombank đều mang tên Đường Lê Hồng T. Trả lại cho ông Phan Th (Sinh năm 1970, nơi thường trú: khu phố 4, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm): 01 xe mô tô loại Wave BSRG-9732. Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H (sinh năm 1972, nơi thường trú: khu phố 4, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm): 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 11Promax, màu đen. Trả lại cho bà Phạm An V (sinh năm 1989, nơi thường trú: khu phố 2, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm): 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm An V1. Trả lại cho bà Lê Thị L (Sinh năm 1967, nơi thường trú: khu phố 1, phường BA, thành phố P): 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị L. Đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Cáo trạng số: 20/CT-VKSPRTC ngày 13/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận truy tố bị cáo Đường Lê Hồng T (Bảy) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Đường Lê Hồng T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; Điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51; Điểm g (phạm tội 02 lần trở lên) khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo mức án tù 08 tháng 15 ngày tù đến 09 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Quá trình cho vay bị cáo tự hạ lãi cho những người vay khó khăn, ngoài ra, bị cáo còn con nhỏ, quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được



tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Cơ quan điều tra Công an tỉnh Ninh Thuận, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 8 năm 2022, Đường Lê Hồng T đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Phan Rang-Tháp Chàm và huyện Ninh Phước vay tiền với lãi suất từ 10%/ tháng đến 18%/tháng (tương đương 120%/năm đến 216%/năm) cao gấp từ 6 lần đến 10,8 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể, quá trình điều tra, xác định được Đường Lê Hồng T đã cho 09 người vay tiền (gồm ông Tô T H, bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị P, bà Lý Thị Tuyết V, bà Phạm Thị Ánh G, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Quang Q, ông Nguyễn Ngọc K, ông Bùi Mạnh T) với tổng số tiền cho vay là 663.000.000 đồng, thu lợi bất chính 622.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 20/CT-VKSPRTC ngày 13-02-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiếm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nhân thân xấu, có một tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ

luật hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi cho vay lãi nặng thu lợi bất chính của bị cáo gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với hành vi của Võ Thị Kim H, Trần Anh D, Nguyễn T Tâm, khi được T nhờ đi lấy tiền lãi, H, Dũng, Tâm không biết đó là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của T nên Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý.

[6] Đối với một số người vay tiền của Đường Lê Hồng T hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra.

[7] Đối với hành vi của Võ Thị Kim H cho bà Trần Thị T Phụng, chị Lê Thị Thuý V1, chị Nguyễn Thị Yên Ng, bà Cù Thị Minh Ta vay tiền, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác định được số tiền lãi cho vay của H. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Quá trình điều tra, bà Võ Thị Kim H khai nhận có đi lấy tiền lãi giúp cho Đường Lê Hồng Khoa, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Trong quá trình điều tra, T còn khai cùng với Nguyễn T Tâm tham gia đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá nhưng chưa xác định được số tiền đánh bạc của T, Tâm. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra.

[10] Về biện pháp tư pháp:

[10.1] Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho bà Nguyễn Thị H (Sinh năm 1967, trú tại: thôn NQ 3, xã PS, huyện NP, là mẹ của Võ Thị Kim H): 03 Giấy mượn tiền của Đặng Thị T nhà ở Đơn Dương, trong đó 01 tờ giấy gốc, 02 tờ bản pho to; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Quốc H ở xã Xuân Trường, Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 Giấy mượn tiền của Nguyễn Thị M, nhà ở Trường An, Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 giấy mượn tiền của Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1986, nhà ở huyện Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Ngọc T nhà ở xã Xuân Trường, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng; 01 giấy mượn tiền của chị S nhà ở Cầu Đất, Lâm Đồng; 02 giấy nhận tiền và vay hộ tiền của Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1974 ở xã Chí Công, Tuy Phong, Bình Thuận; 01 giấy vay nợ (bản gốc), 03 tờ giấy vay nợ (bản pho to) của người tên Bùi Thị H, sinh năm 1964, nhà ở Phước Khánh, Phước Thuận, Ninh Phước; 01 giấy vay nợ của Nguyễn Thị Tuyết Th, sinh năm

1960; 01 giấy vay nợ của Bùi Thị H; 01 giấy vay nợ của Bùi Thị Th, sinh năm 1970; 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 61D1-281.18 của Phạm T Hà ở địa chỉ 45/5 Nhị Đồng 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, Bình Dương; 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển số: 49P1-1394 của Nguyễn Thanh Q, nhà ở số 36, hẻm 2, Lê Quý Đôn, phường 5, Đà Lạt, Lâm Đồng; 01 giấy sang nhượng đất của ông Nguyễn Văn K với ông Võ Thành P; 02 tờ giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CU709144 (bản photo công chứng). Trả lại cho Võ Thị Kim H: 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT775791 (bản photo); 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CS358153 (bản photo), 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC681635 (bản photo); 01 giấy mượn tiền của Lê Nguyễn Thúy V; 01 giấy mượn tiền của Cù Thị Minh T; 01 giấy mượn tiền của Nguyễn Thụy Yến Ngọc; số tiền 7.000.000 đồng; 01 giấy căn cước công dân mang tên Võ Thị Kim H; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng; 02 thẻ ngân hàng Sacombank mang tên Võ Thị Kim H; 02 thẻ ngân hàng Agribank mang tên Võ Thị Kim H. Trả lại cho Trần Anh D: 01 điện thoại di động loại bàn phím hiệu ITEI, màu đen; 01 thẻ ATM của ngân hàng SHB mang tên Trần Anh D; số tiền 4.000.000 đồng. Trả lại cho Đường Lê Hồng T: 01 cuốn vở ô ly học sinh điểm 10 sẵn sàng học tốt loại 6 trang, bên trong có ghi ký hiệu chữ và số; 01 cuốn vở ôly học sinh bìa màu xanh trên bìa có ghi chữ điểm 10 sẵn sàng học tốt THE LAND OF DRAGONS bên trong có ghi ký hiệu chữ và số (là vở theo dõi tiền huê của T từ năm 2020); 01 sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn từ ngày 01/7/2021 đến ngày 27/01/2022 của ngân hàng Sacombank mang tên Đường Lê Hồng T; 01 giấy nộp tiền mặt số 0053 ngày 29/9/2021 của Đường Lê Hồng T nộp tiền vào tài khoản của Bùi Mạnh T tại ngân hàng BIDV; 01 điện thoại di động Iphone 11Pro; 01 điện thoại Iphone 7Plus, màu bạc; 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 02 thẻ ngân hàng Sacombank đều mang tên Đường Lê Hồng T. Trả lại cho ông Phan Th (Sinh năm 1970, nơi thường trú: khu phố 4, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm): 01 xe mô tô loại Wave BSRG-9732. Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc H (sinh năm 1972, nơi thường trú: khu phố 4, phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm): 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Iphone 11Promax, màu đen. Trả lại cho bà Phạm An V (sinh năm 1989, nơi thường trú: khu phố 2, phường Tấn Tài, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm): 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm An V1. Trả lại cho bà Lê Thị L (Sinh năm 1967, nơi thường trú: khu phố 1, phường BA, thành phố P): 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị L. Đây là những tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên

Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Đây là các giấy tờ, đồ vật không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[10.2] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị vỡ của Đường Lê Hồng T là phương tiện, công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10.3] Đối với 01 giấy vay tiền của Tô T H, 01 giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Thị C, 01 giấy mượn tiền mang tên Lê Nguyễn Công Thiện, 02 giấy vay tiền loại giấy A4 là chứng cứ nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[10.4] Đối với 01 giấy vay tiền của Huỳnh Thị Tố U, 01 giấy vay tiền của Trần Như T; 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thanh T2; 01 căn cước công dân số 058171003983 mang tên Trần Như T; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Anh T3; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bình L; 01 Giấy phép lái xe mang tên Tô Phong Ch; 01 chứng minh nhân dân mang tên Tô Phong Ch. Đây là các tài liệu liên quan đến những người vay tiền của T, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa làm việc được với những người có tên nêu trên. Giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

[10.5] Đối với số tiền 663.000.000 đồng mà Đường Lê Hồng T dùng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó:

[10.5.1] Số tiền vay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Đường Lê Hồng T gồm bà Lê Thị L 7.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị P 50.000.000 đồng; ông Nguyễn Quang Q 30.000.000 đồng; bà Phạm Thị Ánh G 6.000.000 đồng; ông Bùi Mạnh T 30.000.000 đồng; bà Lý Thị Tuyết V 10.000.000 đồng nên truy thu của bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Quang Q, bà Phạm Thị Ánh G, ông Bùi Mạnh T, bà Lý Thị Tuyết V tương ứng với số tiền đã vay chưa trả cho T.

[10.5.2] Số tiền vay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho T gồm ông Tô T H trả 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc K trả 20.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị C trả 50.000.000 đồng; ông Bùi Mạnh T trả 430.000.000 đồng, tổng số tiền là 530.000.000 đồng, buộc T phải nộp lại số tiền này.

[10.6] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 83.500.000 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[10.7] Đối với số tiền thu lợi bất chính 622.100.000 đồng: Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Tô T H số tiền: 24.000.000 đồng; trả lại cho bà Lê Thị L số tiền: 6.666.666 đồng (làm tròn là 6.667.000 đồng), trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền:

38.233.334 đồng (làm tròn là 38.233.000 đồng); trả lại cho bà Lý Thị Tuyết V số tiền: 38.300.000 đồng, trả lại cho bà Phạm Thị Ánh G số tiền 19.500.000 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 129.166.667 đồng (làm, tròn là 129.167.000 đồng); trả lại cho ông Nguyễn Quang Q số tiền 22.500.000 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Ngọc K số tiền 30.666.667 đồng (làm tròn là 30.667.000 đồng); trả lại cho ông Bùi Mạnh T số tiền 313.066.666 đồng (làm tròn là 313.067.000 đồng).

[11] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng:** Khoản 2 Điều 201; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

**Tuyên bố:** Bị cáo Đường Lê Hồng T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

**Xử phạt:** Bị cáo Đường Lê Hồng T 08 (tám) tháng 20 (hai mươi) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-8-2022.

**2. Về biện pháp tư pháp:** Áp dụng: Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Căn cứ: Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1 Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 giấy vay tiền của Tô T H, 01 giấy mượn tiền mang tên Nguyễn Thị C, 01 giấy mượn tiền mang tên Lê Nguyễn Công Thiện, 02 giấy vay tiền loại giấy A4.

2.2 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone bị vỡ là phương tiện, công cụ sử dụng vào việc phạm tội. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21-3-2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận).

2.3 Đối với 01 giấy vay tiền của Huỳnh Thị Tổ U, 01 giấy vay tiền của Trần Như T; 01 giấy mượn tiền mang tên Trần Thanh T2; 01 căn cước công dân số 058171003983 mang tên Trần Như T; 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Anh T3; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn H; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Bình L; 01 Giấy phép lái xe mang tên Tô Phong Ch; 01 chứng minh nhân dân mang tên Tô Phong Ch, giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

#### 2.4 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các khoản sau:

Truy thu của bị cáo số tiền 530.000.000 đồng và số tiền 83.500.000 đồng. Tổng cộng 613.500.000 đồng (Sáu trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Lê Thị L nộp lại số tiền vay chưa trả là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Nguyễn Thị P nộp lại số tiền vay chưa trả là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Quang Q nộp lại số tiền vay chưa trả là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Phạm Thị Ánh G nộp lại số tiền vay chưa trả là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc ông Bùi Mạnh T nộp lại số tiền vay chưa trả là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà Lý Thị Tuyết V nộp lại số tiền vay chưa trả là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.5 Buộc bị cáo trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Tô T H số tiền: 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Lê Thị L số tiền: 6.667.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền: 38.233.000 đồng (Ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Lý Thị Tuyết V số tiền: 38.300.000 đồng (Ba mươi tám triệu, ba trăm nghìn đồng)

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Phạm Thị Ánh G số tiền 19.500.000 đồng (Mười chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 129.167.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Quang Q số tiền 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Ngọc K số tiền 30.667.000 đồng (Ba mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Bùi Mạnh T số tiền 313.067.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND Tp. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an Tp. PR-TC;
- CQTHAHS Công an Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Trần Thanh Thư**